
ĐỀ CHÍNH THỨC
(PHẦN TRẮC NGHIỆM)

Môn thi: Sinh học

Ngày thi thứ nhất (09/4/2011)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề thi gồm 08 trang
Tổng số điểm: 6 điểm

Lưu ý: Thí sinh làm bài vào phiếu trả lời in theo mẫu được phát cùng với đề thi và phải đọc kỹ cách hướng dẫn trả lời ghi cho từng câu trong phiếu trả lời. Thí sinh phải điền đủ các thông số đã ghi trên phần đầu của phiếu trả lời (họ, tên ...). Đối với các câu hỏi có nhiều lựa chọn (A,B,C,D,E), thí sinh chỉ chọn một lựa chọn đúng duy nhất và điền chữ cái thích hợp vào phiếu trả lời. Đối với câu hỏi điền khuyết, thí sinh điền vào chỗ trống đã được mã hoá bằng các số (1, 2, 3, 4) theo cách được hướng dẫn trong phiếu trả lời hoặc viết các cụm từ vào chỗ trống đã cho trong phiếu trả lời. Những câu hỏi dạng khác (nếu có) cũng được hướng dẫn cách làm trong phiếu trả lời.

Câu 1 (0,1 điểm)

Vào những năm 1950, thalidomide là một loại thuốc được các bác sỹ kê đơn cho những phụ nữ bị ốm nghén. Do không được kiểm nghiệm kỹ càng nên hàng nghìn trẻ em do những người mẹ uống thuốc khi mang thai sinh ra bị các khuyết tật bẩm sinh. Người ta đã nhận ra rằng một trong số các đồng phân quang học chứa trong thuốc có tác dụng chữa bệnh trong khi các loại đồng phân quang học khác lại là các tác nhân gây đột biến. Câu khẳng định nào dưới đây về thuốc thalidomide là đúng?

- Loại đồng phân quang học gây đột biến có các liên kết đôi giàu năng lượng hơn loại đồng phân quang học có lợi cho người sử dụng và do vậy khi những liên kết đôi này bị phá vỡ chúng sẽ gây nên các đột biến.
- Hai loại đồng phân quang học có trong thuốc có công thức phân tử khác nhau do vậy chúng có tác động sinh học khác nhau.
- Loại đồng phân quang học gây đột biến có nhóm chức gắn vào cấu trúc phân tử cơ bản nên nó có hiệu ứng sinh học khác với đồng phân quang học khác.
- Hai loại đồng phân quang học đều có công thức phân tử như nhau nhưng cấu trúc của chúng là các hình ảnh đối nhau qua gương do vậy chúng có tác động sinh học khác nhau.
- Có thể có loại đồng phân quang học thứ ba vừa có tác động chống nôn vừa có tác động gây đột biến.

Câu 2 (0,1 điểm)

Điều nào sau đây phân biệt giữa sự vận chuyển trong mạch gỗ và mạch rây?

- Vận chuyển trong mạch gỗ là chủ động, còn trong mạch rây thì không
- Quá trình thoát hơi nước có trong mạch rây, còn trong mạch gỗ thì không
- Mạch rây chứa nước và chất khoáng, mạch gỗ chứa chất hữu cơ
- Mạch gỗ vận chuyển theo hướng từ dưới lên trên, mạch rây thì ngược lại
- Mạch gỗ chuyển đường từ nguồn đến nơi chứa, mạch rây thì không

Câu 3 (0,1 điểm)

Khi được chiếu sáng bằng ánh sáng đỏ xa hoặc bằng ánh sáng đỏ, thì xảy ra một quá trình sinh lí trong cây. Chất nào sau đây liên quan đến quá trình sinh lí đó?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Clorophin | D. Phytocrom |
| B. Flavônôit | E. Carotenoit |
| C. Antoxian | |

Câu 4 (0,1 điểm)

Các sản phẩm chính của pha sáng **không** dùng vào quá trình nào dưới đây?

- Hô hấp
- Quang phân li nước
- Vận chuyển điện tử từ PQ đến PC
- Để khử CO₂ trong giai đoạn khử của chu trình Calvin

Câu 5 (0,1 điểm)

Khẳng định nào dưới đây là đúng về mối quan hệ giữa hô hấp và dinh dưỡng nitơ?

- A. Hô hấp tăng thì NH₃ cũng tăng
- B. Hô hấp giảm thì NH₃ cũng giảm
- C. Việc tăng hay giảm của hai chất trên không liên quan với nhau
- D. Hô hấp tăng thì NH₃ giảm và ngược lại hô hấp giảm thì NH₃ tăng
- E. Hô hấp tăng thì NH₃ giảm nhưng ngược lại thì không đúng

Câu 6 (0,1 điểm)

Một bệnh nhân có triệu chứng nhịp tim nhanh, hàm lượng hoocmôn giải phóng TRH (do vùng dưới đồi tiết ra) và hoocmôn kích thích tuyến giáp (TSH) trong máu đều cao. Các triệu chứng trên là do

- A. ưu năng tuyến giáp.
- B. nhược năng tuyến giáp.
- C. có khối u tuyến yên.
- D. có khối u vùng dưới đồi.

Câu 7 (0,1 điểm)

Một phân tử CO₂ được giải phóng vào máu ở ngón chân sau bên trái của chuột và được thải ra ngoài qua mũi. Phân tử CO₂ này sẽ **không** đi qua

- A. tâm nhĩ phải.
- B. phế nang.
- C. động mạch phổi.
- D. tĩnh mạch phổi.
- E. khí quản.

Câu 8 (0,1 điểm)

Điều nào sau đây làm giảm áp suất thủy tĩnh ở chân?

- A. Tăng áp lực trong tâm nhĩ phải
- B. Mang thai
- C. Đi lại
- D. Chế độ ăn nhiều muối

Câu 9 (0,1 điểm)

Bệnh viêm cầu thận (do vi khuẩn *Streptococcus* gây ra) làm xuất hiện prôtêin trong nước tiểu, điều này dẫn đến những thay đổi nào?

	Áp suất keo	Thể tích dịch ngoại bào	Dòng bạch huyết
A.	giảm	giảm	tăng
B.	tăng	tăng	giảm
C.	giảm	tăng	giảm
D.	giảm	tăng	tăng
E.	tăng	giảm	tăng

Câu 10 (0,1 điểm)

Điều nào sau đây xảy ra khi kích thích thần kinh giao cảm?

- A. Giảm nhu động tiêu hóa
- B. Giảm nhịp tim
- C. Giảm tiết mồ hôi
- D. Co đồng tử

Câu 11 (0,1 điểm)

Một người được điều trị bệnh bằng thuốc cortizon dẫn đến

- A. tăng ACTH.
- B. tăng khối lượng cơ vân.
- C. giảm nồng độ glucôzơ trong máu giữa hai bữa ăn.
- D. tăng tiết insullin.

Câu 12 (0,1 điểm)

Bệnh nhân A có tuyến yên hoạt động bình thường còn tuyến trên thận kém phát triển. Bệnh nhân B có tuyến yên và tuyến trên thận đều kém phát triển. Nếu đưa hoocmôn kích thích vỏ thượng thận (ACTH) vào hai bệnh nhân này thì khả năng lớn nhất sẽ

- A. có hiệu quả ở bệnh nhân A.
- B. có hiệu quả ở bệnh nhân B.
- C. có hiệu quả ở cả bệnh nhân A và B.
- D. không có hiệu quả ở cả hai bệnh nhân.

Câu 13 (0,1 điểm)

Khi người phụ nữ mang thai, loại hoocmôn nào sau đây có tác động giống như LH của tuyến yên?

- A. Glucocorticoid
- B. Aldosteron
- C. HCG (kích dục tổ nhau thai người)
- D. Androgen

Câu 14 (0,1 điểm)

Vùng dưới đồi (hypothalamus) có chức năng kiểm soát:

- (1) Thân nhiệt
- (2) Cảm giác đói
- (3) Hoạt động của tuyến yên
- (4) Hoạt động tuần hoàn
- (5) Tiết ADH
- (6) Trao đổi nước

Tổ hợp đúng là:

- A. (1), (2), (3), (4), (5)
- B. (1), (2), (3), (5), (6)
- C. (1), (3), (4), (5), (6)
- D. (2), (3), (4), (5), (6)

Câu 15 (0,1 điểm)

Phản xạ co đồng tử là do có sự tham gia của những bộ phận nào dưới đây?

- (1) Thủy tinh thể
- (2) Giác mạc
- (3) Võng mạc
- (4) Cơ của thể mi
- (5) Cơ vòng và cơ phóng xạ của móng mắt
- (6) Đồi thị
- (7) Nhân trước mắt

Câu trả lời đúng là:

- A. (1), (2), (3), (4), (5), (6)
- B. (1), (3), (4), (5), (6), (7)
- C. (1), (2), (4), (5), (6), (7)
- D. (1), (2), (3), (5), (6), (7)
- E. (1), (2), (3), (4), (6), (7)

Câu 16 (0,1 điểm)

Một người đang hoạt động bình thường, nếu thở gấp trong một vài phút, sẽ chủ yếu làm

- A. pH trong máu động mạch giảm.
- B. bão hoà HbO₂ trong máu động mạch tăng.
- C. phân áp CO₂ trong máu động mạch giảm.
- D. phân áp O₂ trong máu động mạch tăng.

Câu 17 (0,2 điểm)

Trong con đường truyền đạt thông tin của tế bào chất AMP vòng có chức năng là

- A. chất thông tin thứ 2.
- B. sản phẩm của phản ứng phân giải ATP.
- C. cung cấp năng lượng.
- D. chất thông tin thứ 2 có chức năng khuếch đại thông tin.

Câu 18 (0,2 điểm)

Khi tiêm một lượng lớn insulin vào theo đường tĩnh mạch của bệnh nhân thì nồng độ các hoocmôn thay đổi như thế nào?

	Hoocmôn sinh trưởng	Adrenalin	Glucagon
A.	giảm	tăng	tăng
B.	tăng	tăng	tăng
C.	giảm	giảm	tăng
D.	giảm	giảm	giảm
E.	tăng	tăng	giảm

Câu 19 (0,2 điểm)

Những thay đổi nào có ở bệnh nhân bị bệnh đái tháo nhạt do thiếu ADH?

	Thể tích nước tiểu	Thể tích dịch ngoại bào	Nồng độ renin trong máu
A.	tăng	giảm	tăng
B.	giảm	giảm	tăng
C.	tăng	giảm	giảm
D.	giảm	tăng	giảm
E.	giảm	tăng	tăng

Câu 20 (0,2 điểm)

Các triệu chứng nào dưới đây cho thấy bệnh nhân đang bị bệnh do cường giáp (tuyến giáp tiết quá nhiều hooc môn)?

- (1) Hàm lượng Ca^{2+} trong máu cao
- (2) Co cơ
- (3) Bị loãng xương
- (4) Bị giảm cân, tim đập nhanh, lo lắng
- (5) Tốc độ chuyển hóa giảm

Câu trả lời đúng là:

- A. (1) và (2) B. (1) và (3) C. (2) và (3) D. (3) và (4) E. (4) và (5)

Câu 21 (0,2 điểm)

Dưới đây là một số sự kiện quan trọng trong chu kỳ sinh sản ở nữ giới:

- 1 - Giảm hàm lượng progesterone
- 2 - Tiết hooc môn kích thích thích nang trứng (FSH)
- 3 - Phát triển thể vàng
- 4 - Phát sinh trứng- Oogenesis
- 5 - Kinh nguyệt
- 6 - Rụng trứng
- 7 - Nang trứng phát triển
- 8 - Đột ngột gia tăng LH

Sự kiện theo đúng trình tự diễn ra trong chu kỳ sinh sản là

- A. 2 --> 4 --> 7 --> 8 --> 6 --> 3 --> 1 --> 5
- B. 2 --> 4 --> 6 --> 8 --> 7 --> 3 --> 5 --> 1
- C. 4 --> 6 --> 7 --> 5 --> 6 --> 3 --> 1 --> 8
- D. 3 --> 4 --> 7 --> 8 --> 6 --> 2 --> 1 --> 5
- E. 1 --> 4 --> 7 --> 8 --> 6 --> 3 --> 2 --> 5

Câu 22 (0,1 điểm)

Nếu các tế bào thần kinh của người có các lizôxôm với kích thước quá lớn thì sẽ cản trở hoạt động bình thường của tế bào (gây thoái hóa tế bào thần kinh). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng kích thước quá lớn của lizôxôm là

- A. do tế bào thần kinh không có khả năng phân chia nên lizôxôm hoạt động kém.
- B. thiếu enzym thủy phân nên các chất chứa trong lizôxôm không được phân giải.
- C. các chất được phân giải trong lizôxôm không đi được qua màng của lizôxôm.
- D. do chúng không có khả năng phân đôi khi hấp thụ quá nhiều chất.

Câu 23 (0,1 điểm)

Cho các thành phần của tế bào sau:

- I-Lưới nội chất
- II-Túi vận chuyển
- III-Vi ống
- IV-Ti thể
- V-Bộ máy Gôngi

Các thành phần tham gia hình thành nên "hệ thống màng sinh chất" của tế bào là

- A. Chỉ I và V
- B. I, II, IV và V
- C. II, IV và V
- D. I, II và V
- E. I, II, III, IV và V

Câu 24 (0,1 điểm)

Các hiện tượng dưới đây là diễn biến của quá trình biến nạp.

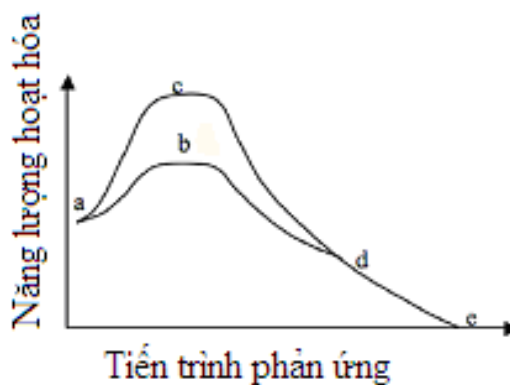
- (1)- Cố định ADN biến nạp lên tế bào nhận nhờ prôtêin đặc trưng để hấp phụ ADN.
- (2)- Liên kết của ADN biến nạp với đoạn tương đồng của nhiễm sắc thể của tế bào nhận.
- (3)- Xâm nhập của ADN biến nạp vào tế bào khả biến.
- (4)- Đồng hóa phân tử ADN ngoại sinh biến nạp vào ADN nội sinh nhờ tái tổ hợp.
- (5)- Nhân lên của nhiễm sắc thể đã được đồng hóa.

Trình tự đúng của quá trình biến nạp diễn ra là

- A. (1) – (3) – (2) – (4) – (5).
- B. (1) – (2) – (3) – (4) – (5).
- C. (1) – (3) – (2) – (5) – (4).
- D. (1) – (5) – (2) – (4) – (3).
- E. (1) – (3) – (5) – (2) – (4).

Câu 25 (0,1 điểm)

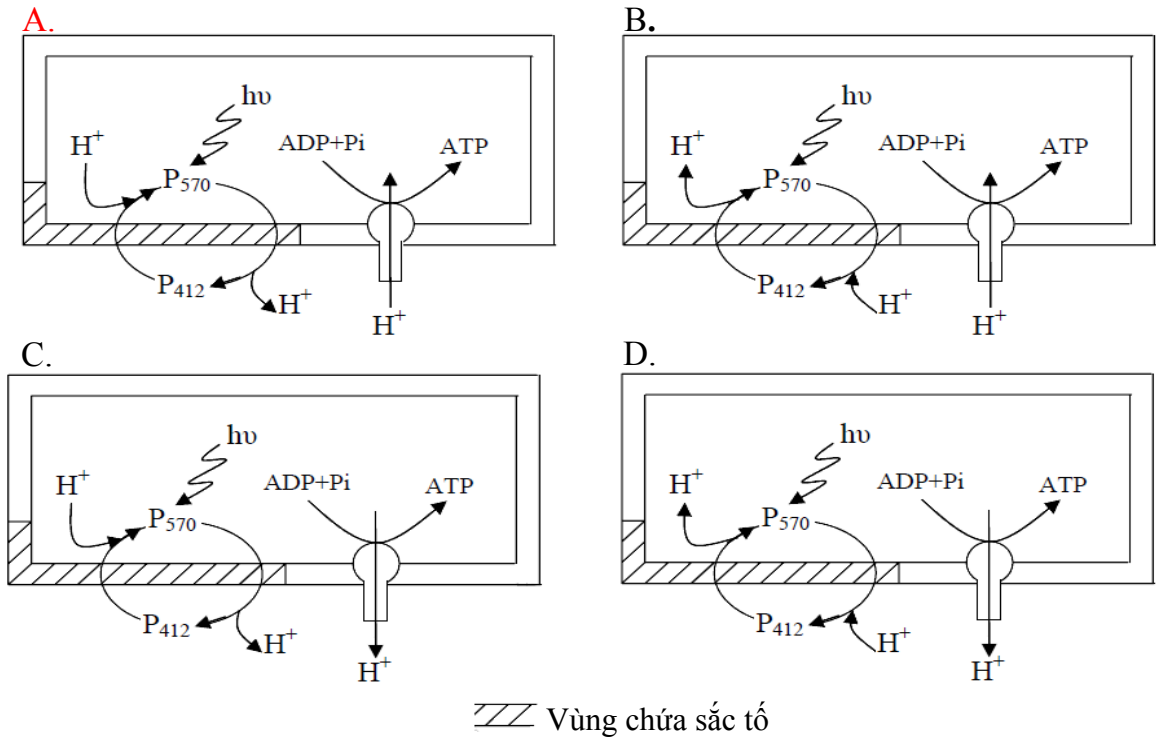
Đồ thị dưới đây có một đường cong thể hiện tốc độ phân giải prôtêin bằng enzym pepsin và một đường cong thể hiện tốc độ phân giải prôtêin khi không có enzym xúc tác. Điểm (a,b,c,d,e) trên các đường cong thể hiện các chất tham gia phản ứng nhận được năng lượng hoạt hóa là



- A. a
- B. b
- C. c
- D. d
- E. e

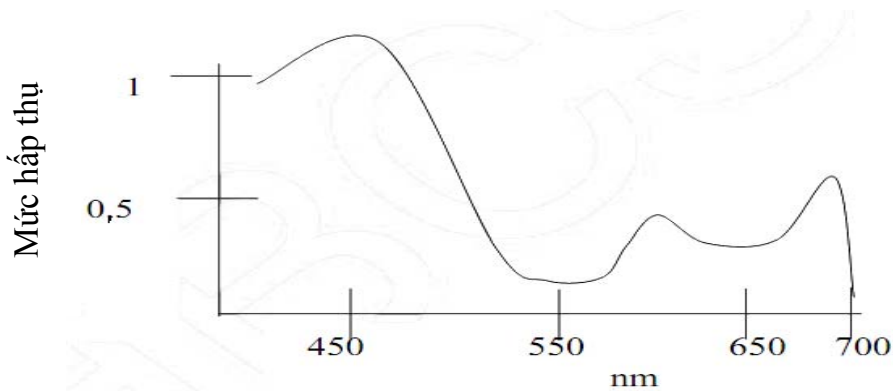
Câu 26 (0,2 điểm)

Rhodopsin của vi khuẩn (bacteriorhodopsin) hấp thụ lượng tử ánh sáng bởi P₅₇₀ rồi chuyển thành P₄₁₂ đồng thời giải phóng H⁺. Khi H⁺ đi qua, hệ F₀ – F₁ sản sinh ATP. Sơ đồ nào dưới đây là phù hợp để mô tả hoạt động quang hợp của *Halobacterium halobium*?



Câu 27 (0,2 điểm)

Một sắc tố được chiết xuất từ thực vật bằng dung môi không phân cực. Sau khi phân tích, các nhà nghiên cứu xác định được phổ hấp thụ ánh sáng của sắc tố này như hình dưới đây.



Sắc tố được hấp phụ ở các bước sóng ở thí nghiệm trên là

- A. Clorophin
- B. Carotenoit
- C. Antoxian
- D. Xantôphin

Câu 28 (0,2 điểm)

Khi kênh Na⁺/K⁺ ATPase bị ức chế thì lực cơ học lại tăng là vì nó làm

- A. tăng nồng độ Na⁺ trong bào tương, do đó làm giảm lượng Ca²⁺ tiết ra dịch ngoại bào.
- B. tăng nồng độ K⁺ trong bào tương, do đó làm giảm lượng Ca²⁺ tiết ra dịch ngoại bào.
- C. giảm nồng độ Na⁺ trong bào tương, do đó làm tăng lượng Ca²⁺ tiết ra dịch ngoại bào.
- D. giảm nồng độ K⁺ trong bào tương, do đó làm giảm lượng Ca²⁺ tiết ra dịch ngoại bào.
- E. tăng cả nồng độ Na⁺ và K⁺ trong bào tương, do đó làm tăng lượng Ca²⁺ tiết ra dịch ngoại bào.

Câu 29 (0,2 điểm)

Một nhà khoa học nuôi cấy các tế bào của một loài thực vật trong môi trường lỏng vô trùng chứa đầy đủ các thành phần khoáng và để trong điều kiện chiếu sáng. Sau vài ngày thấy môi trường nuôi cấy tế bào có màu xanh lá cây. Tiếp đến, bình nuôi cấy tế bào được đưa vào trong tối và được bổ sung thêm đường glucôzơ và các chất khoáng. Theo thời gian, số lượng tế bào trong dung dịch nuôi cấy sẽ

- A. giảm vì tế bào không có ánh sáng cho quang hợp.
- B. tăng vì tế bào được bổ sung nguồn năng lượng.
- C. không tăng vì tế bào không có ánh sáng để quang hợp.
- D. chết vì tế bào không có ánh sáng cho quang hợp.

Câu 30 (0,2 điểm)

Chiếu ánh sáng vào dung dịch chứa diệp lục thì

- A. diệp lục hấp thụ ánh sáng và tiến hành quang hợp.
- B. dung dịch nóng lên và phát huỳnh quang.
- C. diệp lục hấp thụ photon và truyền điện tử.
- D. không có điều gì xảy ra.

Câu 31 (0,1 điểm)

Nếu một người uống thuốc barbiturate với một lượng lớn thì chỉ trong vài ngày mạng lưới nội chất trơn của các tế bào gan sẽ tăng lên gấp đôi. Mạng lưới nội chất chỉ trở lại bình thường trong vòng 5 ngày sau khi thôi dùng thuốc. Điều này chứng tỏ thuốc barbiturate là

- A. chất độc đối với tế bào gan nhưng lại có lợi cho cơ thể.
- B. chất độc đối với cơ thể và gan có chức năng khử độc.
- C. chất bổ đối với cơ thể và giúp gan hoạt động tốt hơn.
- D. chất bổ đối với cơ thể và gan có chức năng khử độc.

Câu 32 (0,1 điểm)

Phát biểu nào sau đây về thuộc tính của sợi actin và vi ống là **không** đúng?

- A. Chúng đều liên quan đến khả năng vận động của tế bào.
- B. Chúng đều có cấu trúc phân cực.
- C. Chúng được "ráp nối" từ các tiểu đơn vị ở dạng phức kép (dime).
- D. Chúng có thể liên kết với các protein mô tơ.
- E. Chúng có thể tạo liên kết chéo thành các bó sợi.

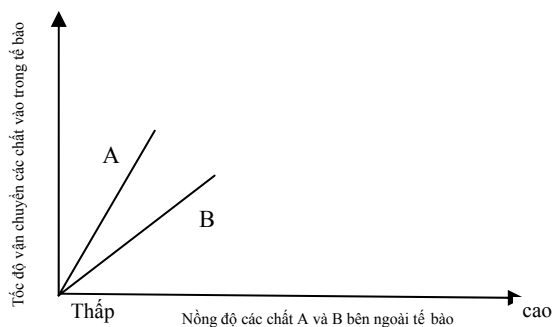
Câu 33 (0,1 điểm)

Tính bất đối xứng của màng sinh chất thể hiện ở chỗ

- A. các phân tử glicôprôtêin chỉ có ở mặt ngoài của màng.
- B. các phân tử glicôprôtêin chỉ có ở mặt trong của màng.
- C. các phân tử prôtêin rìa trong và rìa ngoài phân bố khác nhau.
- D. các prôtêin xuyên màng có đầu $-NH_2$ hướng ra ngoài.

Câu 34 (0,2 điểm)

Đồ thị dưới đây mô tả mối quan hệ giữa tốc độ vận chuyển các chất A và B từ bên ngoài vào trong tế bào người. Đồ thị sẽ được vẽ tiếp như thế nào (chọn phương án nêu dưới đây) khi B là glucôzơ còn A là chất tan trong lipid?



- A. Chất A sẽ tiếp tục tăng còn chất B sẽ tăng đến một mức nào đó rồi không tăng
- B. Chất A sẽ không tăng còn chất B sẽ tăng theo nồng độ của môi trường
- C. Chất A sẽ tăng đến một mức nào đó rồi không tăng còn chất B sẽ tiếp tục tăng.
- D. Chất A và chất B sẽ tăng như nhau đến một mức nào đó rồi không tăng

Câu 35 (0,2 điểm)

Trong một thí nghiệm, các nhà khoa học đánh dấu phóng xạ PO_4 của lớp photpholipit hướng về phía xoang trong của lưới nội chất. Sau đó, các nang vận chuyển “nảy chồi từ lưới nội chất rồi dung hợp với màng sinh chất của tế bào. Nhóm PO_4 đánh dấu phóng xạ được tìm thấy ở

- A. trên màng sinh chất và hướng về phía dịch ngoại bào.
- B. trên màng sinh chất và hướng về phía tế bào chất (bào tương).
- C. trên màng lưới nội chất và hướng vào xoang trong.
- D. trên màng lưới nội chất và hướng về phía bào tương.

Câu 36 (0,2 điểm)

Một em học sinh (A) gieo một số hạt đậu vào trong đất ẩm nhưng sau nhiều ngày các hạt đậu này vẫn không nảy mầm. Bạn của A gợi ý rằng cần ngâm và rửa hạt kỹ trước khi gieo thì hạt sẽ nảy mầm. Cần phải ngâm và rửa kỹ hạt để(1)... vì ...(2)....

Câu 37 (0,2 điểm)

Một tế bào thực vật cho vào trong dung dịch chứa chất A với nồng độ 200 mmol/L, có khả năng hấp thu chất A vào trong tế bào với tốc độ là 5 mmol/phút. Nếu đặt tế bào vào trong dung dịch chứa chất A có nồng độ là 400 mmol/L thì tốc độ hấp thu chất này vào tế bào là 10 mmol/phút. Cũng thí nghiệm này nếu làm với chất B thì tốc độ hấp thu chất B vào trong tế bào là 10 mmol/phút ở cả hai nồng độ 200 mmol/L và 400 mmol/L.

Từ thí nghiệm này kết luận có thể rút ra là: Chất A được vận chuyển vào bên trong tế bào bằng...(1)... còn chất B được vận chuyển bằng...(2)... vì chất A(3)... nhưng chất B(4)....

Câu 38 (0,3 điểm)

Nhiều con đực của các loài thú thường hay giết các con thú non không phải con của chúng. Hành vi này được gọi là ...(1).... Hành vi đó làm cho con thú cái có con bị giết(2)... và con đực(3).....

Câu 39 (0,3 điểm)

Hãy ghép vi ống, vi sợi, sợi trung gian phù hợp với các chức năng (a,b,c,d,e,f và g) được nêu ở dưới đây:

Vi ống....	a. Thay đổi hình dạng tế bào
Vi sợi....	b. Hình thành phiến lót màng nhân
Sợi trung gian	c. Chuyển động của các bào quan
	d. Tạo chân giả
	e. Neo giữ nhân và một số bào quan
	f. Chịu lực căng
	g. Làm tăng diện tích bề mặt tế bào

Câu 40 (0,3 điểm)

Hãy đánh dấu (×) vào các ô tương ứng dưới đây để phản ánh đặc tính của các tế bào khác nhau:

Tế bào	Phosphoryl hóa – oxy hóa	Chứa vật chất di truyền	Có thể tăng trưởng kích thước	Có thể phân bào
Hồng cầu				
Nơron				
Tinh trùng				

_____ **Hết** _____

Thí sinh không được sử dụng tài liệu; Giám thị không giải thích gì thêm

Câu 1 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 10 (0,1 điểm) Trả lời : A	Câu 19 (0,2 điểm) Trả lời : A	Câu 28 (0,2 điểm) Trả lời : A
Câu 2 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 11 (0,1 điểm) Trả lời : C	Câu 20 (0,2 điểm) Trả lời : B	Câu 29 (0,2 điểm) Trả lời : B
Câu 3 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 12 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 21 (0,2 điểm) Trả lời : A	Câu 30 (0,2 điểm) Trả lời : B
Câu 4 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 13 (0,1 điểm) Trả lời : C	Câu 22 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 31 (0,1 điểm) Trả lời : B
Câu 5 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 14 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 23 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 32 (0,1 điểm) Trả lời : C
Câu 6 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 15 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 24 (0,1 điểm) Trả lời : A	Câu 33 (0,1 điểm) Trả lời : A
Câu 7 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 16 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 25 (0,1 điểm) Trả lời : B	Câu 34 (0,2 điểm) Trả lời : A
Câu 8 (0,1 điểm) Trả lời : C	Câu 17 (0,2 điểm) Trả lời : D	Câu 26 (0,2 điểm) Trả lời : A	Câu 35 (0,2 điểm) Trả lời : A
Câu 9 (0,1 điểm) Trả lời : D	Câu 18 (0,2 điểm) Trả lời : B	Câu 27 (0,2 điểm) Trả lời : A	

Câu 36 (0,2 điểm)

(1)= rửa trôi axit abssicic trên hạt;

(2)= axit abssicic có tác dụng kìm hãm sự nảy mầm của hạt.

Câu 37 (0,2 điểm)

(1) = thụ động;

(2) = vận chuyển tích cực;

(3) = vận chuyển xuôi chiều gradient nồng độ (tăng tốc độ vận chuyển khi gia tăng sự chênh lệch nồng độ);

(4) = được vận chuyển không phụ thuộc vào sự chênh lệch nồng độ.

Câu 38 (0,3 điểm)

(1) = ích kỷ.

(2) = sẽ động dục.

(3) = có cơ hội giao phối

Câu 39 (0,3 điểm)

- Vi ống: c

- Vi sợi: a,d

- Sợi trung gian: e,b

Câu 40 (0,3 điểm)

Tế bào	Phosphoryl hóa – oxy hóa	Chứa vật chất di truyền	Có thể tăng trưởng kích thước	Có thể phân bào
Hồng cầu	-	-	-	-
Noron	x	x	x	-
Tinh trùng	x	x	-	-